

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2020/HS-ST

Ngày: 29/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Dụ;

Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2020/TLST - HS ngày 02 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐHPT- HS ngày 17 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

01. **Hứa Văn Toản**, sinh ngày 25/9/1984 tại xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: X, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hứa Văn M và bà Trần Thị P; có vợ là Lương Thị T, sinh năm 1988 (đã ly hôn);

- Tiền án: Ngày 25/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 27/8/2017; ngày 31/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 16/11/2018.

- Tiền sự: Ngày 26/12/2019, bị Công an xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Trộm cắp tài sản”

- Nhân thân:

+ Ngày 17/12/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Ngày 20/12/2005 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

+ Ngày 21/01/2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định quyết định Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 09/5/2020 chuyển tạm giam; “có mặt”.

02. Nguyễn Văn K, sinh ngày 14/01/1971 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; con ông Nguyễn Văn Í và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); có vợ là Lê Thị N, sinh năm 1971; có 03 con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2000;

- Tiền án: Ngày 25/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ra trại ngày 21/9/2018;

- Tiền sự: Ngày 04/12/2019, bị Công an huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

- Nhân thân:

+ Năm 1993, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà (cũ) xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

+ Năm 1994, bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

+ Ngày 05/12/1996, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”;

+ Ngày 30/5/2001, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Ngày 16/6/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Ngày 18/3/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Ngày 21/6/2012, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính Đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 06/5/2020 đến ngày 09/5/2020 chuyển tạm giam; “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K:* Bà Nguyễn Thị H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- *Bị hại:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, “vắng mặt”;

- *Người chứng kiến:* Ông Hứa Văn M, sinh năm 1950; địa chỉ: X, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do đã quen biết nhau từ trước nên khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08/4/2020, Hứa Văn T đi xe mô tô nhãn hiệu Wave không nắp biển kiểm soát đến nhà Nguyễn Văn K rủ K đi trộm cắp chó để bán lấy tiền chi tiêu. K đồng ý và điều khiển xe của T mang theo 01 cuộn băng dính màu đen đi lang thang trên đường tìm chó để bắt; trên đường đi T nhặt được 01 bao xác rắn màu vàng rồi mang theo.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đi đến khu vực đường liên xã thuộc xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định thì phát hiện ở ven đường có 01 con chó màu vàng, xám trọng lượng khoảng 05kg của gia đình chị Phạm Thị T. Quan sát xung quanh không thấy người qua lại, T xuống xe tiến đến bắt con chó, sau đó cùng K dùng băng keo cuốn vào mồm và chân chó rồi cho vào bao xác rắn mang theo từ trước. Sau đó, K chở T ôm bao xác rắn đựng chó đi tiêu thụ. Khi đến khu vực xóm 8, xã X thì gặp tổ tuần tra Công an xã Xuân Phong yêu cầu kiểm tra, K và T đã khai nhận hành vi trộm cắp chó của mình, lực lượng Công an đã lập biên bản vụ việc, thu giữ 01 con chó, 01 chiếc xe mô tô, 01 bao xác rắn và bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường để giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, T và K đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Trường đã ra quyết định truy nã đối với T và K. Đến ngày 06/5/2020, T và K đã ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 38/KL - HĐĐG ngày 20/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Xuân Trường đã kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, con chó bị trộm cắp có giá trị là 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, xác minh, Công an huyện Xuân Trường đã trả lại 01 con chó cho chị Phạm Thị T, chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Đối với chiếc xe máy đã thu giữ của Hứa Văn T là tài sản hợp pháp của

ông Hứa Văn M, ông M không biết Toàn dùng xe để đi trộm cắp tài sản nên Công an huyện Xuân Trường đã trả lại cho ông Mạnh.

Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 30/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố hành vi của Hứa Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm a, b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố hành vi của Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và khai nhận toàn bộ hành vi cũng như không có khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản đã nêu.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đánh giá về hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào: Các điểm a, b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hứa Văn T;

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn K;

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hứa Văn T và Nguyễn Văn K đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Hứa Văn T từ 12 - 15 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 12 - 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX: Tịch thu, cho tiêu hủy 01 chiếc bao xác rắn đã thu giữ của các bị cáo.

Bị cáo Toàn, bị cáo K không tự bào chữa, tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo K phát biểu quan điểm: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự ra phiên tòa ngày hôm nay là đúng người, đúng tội, đúng pháp. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị cáo ra đầu thú, tình tiết này được quy định tại các điểm h, s, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử khi nghị án cân nhắc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội cải tạo sớm trở về với cộng đồng.

Bị cáo K nhất trí với lời bào chữa và không bổ sung gì.

Các bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 30, ngày 08/4/2020, tại khu vực xóm 1, xã Xuân Đài, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, các bị cáo Hứa Văn T và Nguyễn Văn K đã lén lút chiếm đoạt của gia đình chị Phạm Thị T, trú tại: X, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định 01 con chó khoảng 5kg có giá trị 450.000đ. Mặc dù giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp dưới 2.000.000đ nhưng bị cáo T đã có 02 tiền án và 01 tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản; bị cáo K có 01 tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, hành vi của bị cáo Hứa Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo K đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đối với các bị cáo ra phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc mình làm; bản thân các bị cáo đã nhiều lần phạm tội và bị Tòa án các cấp đưa ra xét xử nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo sửa chữa lỗi lầm cho bản thân mà tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, điều đó các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự thì mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đến nhà rủ bị cáo K đi Trộm cắp tài sản nên có vai trò đầu trong vụ án.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo

Hứa Văn T có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản nhưng đã là tình tiết định tội nên lần phạm tội này không bị coi là tái phạm; bị cáo K có 01 lần bị kết án về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn. Sau khi phạm tội các bị cáo bỏ trốn, sau đó đã ra đầu thú nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, s, khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, xét thấy trong vụ án này T là người khởi xướng, còn K là người tham gia, căn cứ vào nhân thân của các bị cáo nên HĐXX áp dụng mức hình phạt như nhau đối với hai bị cáo và cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, có như vậy mới tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như quan điểm của Đại diện viện kiểm sát đề nghị theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phạm Thị T đã nhận lại 01 con chó và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[9] Về vật chứng và tài sản thu giữ: Chiếc xe mô tô các bị cáo dùng để chở nhau đi trộm cắp tài sản là tài sản hợp pháp của ông Hứa Văn M (bố đẻ bị cáo T). Ông M không biết T dùng xe để đi trộm cắp tài sản nên Công an huyện Xuân Trường đã trả lại cho ông M là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bao xác rắn các bị cáo dùng để đựng chó không còn giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo Hứa Văn T và Nguyễn Văn K bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Các điểm a, b khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hứa Văn T.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo

Nguyễn Văn K;

Tuyên bố các bị cáo Hứa Văn T và Nguyễn Văn K đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hứa Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/5/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 06/5/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 bao xác rắn đã thu giữ của các bị cáo.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 37/CCTHA lập ngày 07/7/2020 giữa Công an huyện Xuân Trường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Hứa Văn T và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Hứa Văn T, Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại; chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh + Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Công an Huyện;
- UBND xã X;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Dự

Lê Văn Hùng

Phạm Ngọc Long

